

Số: 01 /BB-ĐHĐCĐRBC

TP. HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2024

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU**

**Thời gian:** vào lúc 7g30 ngày 10 tháng 5 năm 2024

**Địa điểm:** Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa – 502A Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**Thành phần tham dự:** số lượng 29 cổ đông đại diện cho 8.543.822 cổ phần chiếm tỷ lệ 85,18% vốn điều lệ.

**Nội dung Đại hội:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Công nghiệp & XNK Cao su.

**DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:**

**1. Ông Nguyễn Bảo Châu:**

- Tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông, giới thiệu đại biểu.
- Bầu Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký: Đại hội biểu quyết nhất trí 100% danh sách Đoàn chủ tịch và Đoàn Thư ký.

• **Đoàn Chủ tịch:**

1. Ông Phan Đình Phúc : Chủ tịch HĐQT Công ty CP CN & XNK Cao su
2. Ông Giang Hoa Vũ : TV HĐQT - TGD Cty CP CN & XNK Cao su
3. Ông Lê Tuấn Linh : TV HĐQT – P. TGD Cty CP CN & XNK Cao su

• **Đoàn Thư ký:**

1. Bà Trần Thị Thanh Huệ : Thư ký HĐQT
2. Ông Phạm Cao Cường : NV. Phòng Tài chính Kế toán

**2. Ông Nguyễn Bảo Châu:** báo cáo thủ tục xác nhận danh sách cổ đông (kèm biên bản).

**3. Bà Triệu Thị Hồng Hoa:** thông qua chương trình làm việc và Quy chế Đại hội  
Đại hội biểu quyết nhất trí 100%

**4. Ông Giang Hoa Vũ:** thay mặt Ban điều hành công ty trình bày Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SX-KD năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024

5. Ông Lê Tuấn Linh thay mặt HĐQT báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng năm 2024.

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp: trình bày báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

7. Ông Lê Tuấn Linh: thay mặt HĐQT trình bày tờ trình xin ý kiến về các nội dung biểu quyết trong Đại hội.

- Vấn đề 1: Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2023.
- Vấn đề 2: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
- Vấn đề 3: Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của công ty.
- Vấn đề 4: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát.
- Vấn đề 5: Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng hợp toàn công ty năm 2024.
- Vấn đề 6: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.
- Vấn đề 7: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.
- Vấn đề 8: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế hoạt động của công ty.
- Vấn đề 9: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch và Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty.
- Vấn đề 10: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét việc xử lý cổ phần ưu đãi trả chậm của người lao động.
- Vấn đề 11: Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024
- Vấn đề 12: Xin ý kiến ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn quyết định sử dụng các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng quy định.

8. Đại hội thảo luận

9. Bà Trần Thị Thanh Huệ - thư ký Đại hội: trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024

11. Ông Phan Đình Phúc: biểu quyết thông qua các chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024

- Vấn đề 1: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

- + Tổng doanh thu: 340.249.749.606 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 3.705.523.431 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: 3.138.888.012 đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 2:* Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023: Do lợi nhuận sau thuế đến thời điểm 31/12/2023 là -680.150.652 đồng nên công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2023.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 3:* Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của công ty

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 4:* Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 2:* kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

- + Tổng doanh thu: 352.246.000.000 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 4.000.000.000 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: 3.320.000.000 đồng
- + Tổng nhu cầu vốn XDCCB: 20.515.000.000 đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:



- + Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
  - + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
  - + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- *Vấn đề 6:* Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024: kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 3.320.000.000 đồng, dự kiến phân phối lợi nhuận như sau:
- + Xóa lỗ lũy kế : 680.150.652 đồng
  - + Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp : 659.962.337 đồng
  - + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 976.848.931 đồng
  - + Chi cổ tức (1% VDL) : 1.003.038.080 đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
  - + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
  - + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- *Vấn đề 7:* Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024: Giao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty chọn 01 trong các đơn vị sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024
- + Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
  - + Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
  - + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
  - + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
  - + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- *Vấn đề 8:* Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các quy chế hoạt động của công ty. Đại hội biểu quyết thông qua:
- + Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
  - + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 9:* Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 10:* Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục xem xét việc xử lý cổ phần ưu đãi trả chậm của người lao động.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 11:* Xin ý kiến về thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

+ Tiền lương của Chủ tịch HĐQT công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/ tháng.

+ Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/ tháng

+ Tiền lương của Người phụ trách quản trị công ty: tương đương mức lương trưởng phòng nghiệp vụ công ty.

+ Mức thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách: 1.000.000 đồng/ người/ tháng.

+ Mức thù lao của thành viên BKS không chuyên trách: 1.000.000 đồng/ người/ tháng.

+ Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thư ký Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của công ty con: mức lương, mức thù lao sẽ do Hội đồng quản trị công ty quyết định.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội



+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 12* : Xin ý kiến ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn quyết định sử dụng các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng quy định.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.543.822 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

**13. Ông Phan Đình Phúc:** bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su kết thúc vào lúc 09 giờ 00 phút cùng ngày.

**TM. ĐOÀN THƯ KÝ**



**Trần Thị Thanh Huệ**

**TẠI ĐOÀN CHỦ TỊCH**



**Phan Đình Phúc**

*Nơi nhận:*

- HĐQT; Ban Kiểm soát;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

Số: 02 /NQ-ĐHĐCĐRBC

TP.HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XNK CAO SU**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2023;*

*Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu cao su ngày 10/5/2024.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:**

- Tổng doanh thu : 340.249.749.606 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.705.523.431 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 3.138.888.012 đồng

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023**

Do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2023 là: -680.150.652 đồng nên Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2023.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty.**

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**4. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.**

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng hợp toàn công ty năm 2024**

- Tổng doanh thu : 352.246.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 4.000.000.000 đồng



- Lợi nhuận sau thuế : 3.320.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XDCCB: 20.515.000.000 đồng

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**6. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:** kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 3.320.000.000 đồng, dự kiến phân phối lợi nhuận như sau:

- Xóa lỗ lũy kế : 680.150.652 đồng
- Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp : 659.962.337 đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 976.848.931 đồng
- Chi cổ tức (1% VDL) : 1.003.038.080 đồng

Thông nhất giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024:**

Thông nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:

- Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị** xem xét và thông qua các Quy chế hoạt động của công ty.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**9. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị** xem xét và phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch và Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của công ty.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**10. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục** xem xét việc xử lý cổ phần ưu đãi trả chậm của người lao động theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**11. Thông nhất thông qua mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty năm 2024**

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người quản lý: hạng III PL 02 của Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).



- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/ tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người quản lý: hạng III PL 02 của Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Tiền lương của Người phụ trách quản trị công ty: tương đương mức lương của Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty.

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.


- Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thư ký Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của Công ty con: mức lương, mức thù lao sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**12. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn Công ty quyết định sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.**

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

**13. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty căn cứ từng thời điểm để xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024.**

Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su năm 2024 quyết tâm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội đề ra để xây dựng Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững. 

**Nơi nhận :**

- Cổ đông công ty;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.



**Phan Đình Phúc**

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2024

**BÁO CÁO KIỂM TRA, XÁC NHẬN TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**  
**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**  
**Của Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su**

- Kính thưa Đoàn Chủ tịch
- Kính thưa các vị khách quý
- Cùng toàn thể cổ đông tham dự đại hội.

Được sự phân công của Ban tổ chức Đại hội, tôi xin trình bày Báo cáo tình hình Cổ đông Công ty và kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông như sau:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su đã được thống nhất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên họp ngày 20/03/2021;
- Căn cứ quyết định số: 36/QĐ-HĐQT.RBC ngày 26 tháng 04 năm 2024 về việc thành lập Ban kiểm tra, xác nhận tư cách Cổ đông của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su.

Hôm nay, vào lúc 07 giờ 45 phút ngày 10 tháng 05 năm 2024 tại Hội trường Công ty TNHH MTV CBG Đông Hòa, địa chỉ số 502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Ban Kiểm tra, xác nhận tư cách Cổ đông gồm có các thành viên sau đây:

- 1) Ông Nguyễn Bảo Châu Trưởng Ban
- 2) Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp Thành viên
- 3) Ông Phùng Tuấn Lâm Thư ký

Báo cáo Đại hội tình hình Cổ đông Công ty và kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông.

**I/ Tình hình Cổ đông Công ty:**

Tính đến ngày 05/04/2024, Công ty cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su có vốn điều lệ: 100.303.080.000 đồng, tương ứng 10.030.308 cổ phần của 364 Cổ đông sở hữu.

Trong đó:

- Có 05 Cổ đông pháp nhân, sở hữu: 8.617.663 cổ phần, chiếm 85,92% VDL.
- 358 Cổ đông cá nhân, sở hữu: 1.286.045 cổ phần, chiếm 12,82% VDL.



- Và Cổ phiếu Quỹ: 126.600 cổ phần, chiếm 1,26% VDL.

## II/ Kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông:

1. Tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 gồm 29 Cổ đông, sở hữu và đại diện theo uỷ quyền, đại diện cho: 8.543.822 cổ phần.

2. Số Cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội là 29 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho : 8.543.822 cổ phần. Bao gồm:

### 2.1. Cổ đông là pháp nhân:

2.1.1. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: 6.933.333 cổ phần:

- Do Ông Phan Đình Phúc đại diện : 3.523.028 cổ phần

- Do Ông Giang Hoa Vũ đại diện : 2.006.062 cổ phần

- Do Ông Lê Tuấn Linh đại diện : 1.404.243 cổ phần

2.1.2. Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai: 1.336.000 cổ phần  
Do Ông Nguyễn Trọng Hùng đại diện.

2.1.3. Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc: 5.000 cổ phần – Do Ông Phan Trọng Quỳnh đại diện.

2.1.4. Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao Su : 126.600 cổ phần – Do Ông Bùi Ngọc Tiến đại diện.

### 2.2. Cổ đông là cá nhân:

Gồm có 25 cổ đông tham dự, đại diện 142.889 cổ phần.

3. Tỷ lệ cổ phần tham dự trên tổng số cổ phần phát hành của Công ty chiếm: 85,18 %

4. Căn cứ Điều 145 Luật doanh nghiệp năm 2020, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Như vậy, Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su đủ điều kiện tiến hành.

Ban kiểm tra, xác nhận tư cách Cổ đông xin báo cáo trước Đại hội.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

THƯ KÝ

Phùng Tuấn Lâm

TM. BAN KIỂM TRA, XÁC NHẬN TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG  
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Bảo Châu



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM  
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU



RUBICO

**TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

*Tháng 5 năm 2024*

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU**

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

1. Chương trình đại hội
2. Báo cáo của Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý điều hành Công ty năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.
4. Tờ trình về một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.
6. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
7. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

**BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ NĂM 2024**

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU**

Thời gian : Ngày 10/5/2024 (thứ sáu)

Địa điểm : Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa

502A Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Stt	Nội dung
1	Chào cờ - Giới thiệu khách mời – Giới thiệu Đoàn chủ tịch
2	Tuyên bố lý do – Khai mạc Đại hội Giới thiệu Đoàn thư ký - Giới thiệu Ban thẩm tra tư cách cổ đông
3	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông
4	Thông qua Quy chế và Chương trình Đại hội
5	Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024
6	Báo cáo của HĐQT về công tác quản trị Công ty năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024
7	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024
8	Trình bày Tờ trình xin ý kiến Đại hội
9	Đại hội thảo luận.
10	Lãnh đạo Tập đoàn phát biểu
11	Đáp từ của Lãnh đạo công ty
12	Trình bày Dự thảo Nghị quyết Đại hội
13	Biểu quyết các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội
14	Bế mạc Đại hội

## BÁO CÁO

### Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SX-KD năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

#### PHẦN I

#### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SX - KD NĂM 2023

##### I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 lĩnh vực: sản xuất xuất khẩu sản phẩm gỗ, sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su, kinh doanh thương mại, cho thuê kho và các dịch vụ hậu cần cho cao su.

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông giao, ngay từ đầu năm Công ty đã sớm triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2023. Tuy nhiên trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn: lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su tạm dừng sản xuất do không có đơn hàng; lĩnh vực sản xuất gỗ vẫn chưa có nhiều đơn hàng nên sản lượng sản xuất giảm, lao động giảm; một số đối tác thuê mặt bằng xin trả mặt bằng hoặc miễn giảm tiền thuê do họ cũng khó khăn trong sản xuất kinh doanh, hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ cũng bị ảnh hưởng do khó khăn chung của nền kinh tế, ...

Dù vậy Ban lãnh đạo công ty và các đơn vị trực thuộc đã nỗ lực đưa ra các biện pháp: tìm kiếm thêm khách hàng mới, tăng cường hoạt động kinh doanh dịch vụ, tiết kiệm chi phí quản lý, ... để phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

Tình hình hoạt động của các lĩnh vực SX-KD trong năm 2023 cụ thể như sau:

### 1. Sản xuất gỗ tinh chế:

Được tổ chức tại Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa. Ngay từ đầu năm, đơn vị đã nỗ lực tìm kiếm thêm một số khách hàng mới nhằm có đủ đơn hàng sản xuất ổn định và duy trì các khách hàng truyền thống.

Tuy nhiên năm 2023 do tình hình suy thoái kinh tế, số lượng đơn hàng giảm nhiều dẫn đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm đồng thời số lượng lao động cũng giảm, trong khi một số chi phí sản xuất tăng làm tăng giá thành sản xuất. Dù vậy đơn vị cố gắng tổ chức sắp xếp sản xuất phù hợp điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí để có thể duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động. Trong năm 2023, đơn vị đã nhận được đơn hàng với tổng trị giá khoảng 4,9 triệu USD, sản lượng sản xuất: 2.020,47 m<sup>3</sup> đạt 75% kế hoạch năm; doanh thu 118,2 tỉ đồng đạt 72% so với kế hoạch năm, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động

### 2. Sản xuất công nghiệp cao su:

Được tổ chức tại Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp. Sản phẩm chính của đơn vị là “đồ chơi cho thú cưng” với thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ. Do tình hình tiêu thụ chậm nên từ quý 4 năm 2022 không có đơn hàng sản xuất, dự báo sẽ không có đơn hàng trong thời gian tới, vì vậy đơn vị đã giảm toàn bộ lao động trực tiếp sản xuất và tạm dừng lĩnh vực sản xuất trong năm 2023.

### 3. Kinh doanh:

- **Kinh doanh mũ cao su:** năm 2023 do tình hình khó khăn, đơn vị khó triển khai kinh doanh mũ cao su do giá cả không ổn định, lại không chủ động được nguồn cung nên rất khó chốt giá mua bán với khách hàng. Do vậy chỉ kinh doanh được 584,64 tấn, doanh thu đạt 20,7 tỉ đồng.

- **Kinh doanh mặt hàng khác:** ngoài kinh doanh cao su, công ty còn kinh doanh một số mặt hàng khác như: gỗ phôi, hóa chất, thực phẩm đông lạnh, hạt nhựa,.... tuy nhiên hiệu quả chưa cao do có sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường và ảnh hưởng của suy thoái kinh tế. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2023 như sau:

- Kinh doanh hóa chất : 1.528,35 tấn
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh : 169,98 tấn
- Kinh doanh hạt nhựa : 1.519,36 tấn
- Sơ chế gỗ phôi : 4.942 m<sup>3</sup>

- **Hoạt động kinh doanh – dịch vụ khác:** ngoài các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, công ty còn có các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác như: cho thuê mặt bằng,



dịch vụ hậu cần – cho thuê kho chứa cao su, hoạt động tài chính,..... Các hoạt động này tương đối ổn định và có hiệu quả, góp phần đáng kể trong kết quả của toàn Công ty.

## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 HỢP NHẤT TOÀN CÔNG TY:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% TH/KH	So sánh thực hiện năm 2022 (%)
Sơ chế gỗ phôi cao su	m <sup>3</sup>	18.000	4.942	27%	115%
Sản xuất gỗ tinh chế	m <sup>3</sup>	2.700	2.020,47	75%	59%
Tổng doanh thu	tr đồng	431.264	340.250	79%	73%
Tổng chi phí	tr đồng	427.764	336.545	79%	73%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>tr đồng</b>	<b>3.500</b>	<b>3.705</b>	<b>106%</b>	<b>108%</b>
Đầu tư XDCB	tr đồng	19.950	2.515	13%	64%
Lao động bình quân	người	362	282	78%	70%
Thu nhập bình quân	trđồng/ng/th	10,528	10,201	97%	97%

### \* Nhận xét:

- Hoạt động sản xuất trong năm 2023 gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu về khối lượng sản xuất không đạt kế hoạch năm dẫn đến doanh thu chỉ đạt 79% kế hoạch năm.

- Đơn hàng giảm mạnh nên sản lượng sản xuất ít, lao động bình quân cũng giảm so với năm 2022. Đơn vị cố gắng duy trì lực lượng lao động phù hợp để duy trì sản xuất, đồng thời ổn định thu nhập người lao động.

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm 2023 về chỉ tiêu lợi nhuận: lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 3,705 tỉ đồng đạt 106% kế hoạch năm.

Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông giao, Công ty đã nỗ lực rất nhiều để đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn, như: tìm kiếm thêm khách hàng, mở rộng lĩnh vực cũng như thị trường kinh doanh, sắp xếp tổ chức lại hoạt động sản xuất và bộ máy quản lý khi đơn hàng giảm nhiều, đồng thời áp dụng các giải pháp để tiết giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí quản lý, ... Nhờ vậy các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty được duy trì, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, hoàn thành kế hoạch năm 2023 về chỉ tiêu lợi nhuận, đồng thời tạo tiền đề phát triển trong năm 2024.

Đạt được kết quả này là do sự nỗ lực của CB-CNV-NLĐ toàn Công ty, sự chi đạo kịp thời, sâu sát của Ban Lãnh đạo Công ty và sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo Tập đoàn trong việc duy trì ổn định sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn.

### III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHÁC:

#### 1. Công tác tài chính:

Công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính – tài sản hoạt động theo đúng quy chế tài chính và điều lệ của Công ty, đồng thời tuân thủ các quy định của luật kế toán và pháp luật Nhà nước. Vận dụng chế độ chứng từ kế toán, luân chuyển chứng từ theo quy định.

Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Tập đoàn và các cơ quan ban ngành theo đúng quy định.

#### \* Công tác thu hồi công nợ:

Tổng hợp công nợ phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2023: **23.635.735.951 đồng**, gồm các công nợ chủ yếu sau:

- Công ty CP Chế biến & XNK Thủy sản Đồng Tháp : 8.956.471.270 đồng
- Công ty CP SX-XNK Lâm sản & hàng thủ công nghiệp: 3.870.681.600 đồng
- Công ty TNHH SX-TM-DV Hữu Nghị : 7.843.792.484 đồng
- Cơ sở Huệ Toàn (Bà Lê Thị Huệ) : 437.851.910 đồng
- Công ty TNHH Quốc tế Trường Thành : 520.800.000 đồng
- Công ty CP Ngọc Hà : 150.000.000 đồng
- Công ty Habufa Meubelen B.V : 561.060.414 đồng
- Ông Võ Anh Thảo (Công ty A.T.O.M Food - Thailan) : 1.295.078.273 đồng

Công ty đã thực hiện trích dự phòng công nợ quá hạn khó đòi theo đúng quy định, tổng số tiền đã trích: 23.000.335.537 đồng.

Công ty đã tiến hành thủ tục khởi kiện các đơn vị này và đang trong quá trình Tòa án thụ lý và xét xử. Năm 2023 Ban điều hành đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, đã đưa hầu hết các công nợ quá hạn không có khả năng thu hồi ra tòa khởi kiện.

Trong năm đã thu hồi nợ :

- + Đã thu hồi nợ của Công ty TNHH Hưng Nhơn : 1.181.370.000 đồng (dứt nợ)
- + Đã thu hồi nợ của Cty CP Đ.Tư Quốc tế Đại Sơn : 300.000.000 đồng (dứt nợ)
- + Khoản nợ công ty A.T.O.M Thái Lan: đã có phán quyết của Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế APEC VN yêu cầu Ông Võ Anh Thảo phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV TM&Địa ốc Hồng Phúc số tiền hàng, phí trọng tài, phí hành chính. Hồ sơ đã được gửi đến cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thu hồi số nợ trên.

## **2. Công tác đầu tư tài chính dài hạn:**

Tính đến ngày 31/12/2023, tổng số tiền đầu tư ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là: **11.908.100.000 đồng**, bao gồm:

- Công ty CP Thương mại DV và Du lịch cao su : 2.596.100.000 đồng
- Công ty CP Đầu tư xây dựng và XNK Cao su : 1.500.000.000 đồng
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh : 6.312.000.000 đồng
- Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam: 1.500.000.000 đồng

Căn cứ báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán tại các đơn vị trên, Công ty đã thực hiện trích dự phòng theo quy định đối với các đơn vị có kết quả lỗ lũy kế, cụ thể như sau:

- Trích dự phòng đầu tư tại Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Du lịch Cao su: 2.450.868.536 đồng (tương đương 94,41% vốn góp).

- Trích dự phòng đầu tư tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng & XNK Cao su: 1.116.653.096 đồng (tương đương 74,44% vốn góp).

Công ty đã có kế hoạch thoái vốn tại các đơn vị đầu tư ngoài ngành, nên đã làm văn bản trình Lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt việc thoái vốn để sớm thu hồi vốn tập trung cho sản xuất kinh doanh.

Tháng 11 năm 2021 Lãnh đạo Tập đoàn đã có văn bản thỏa thuận chủ trương cho Công ty thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh và Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam, dự kiến Công ty sẽ triển khai thực hiện trong năm 2022. Tuy nhiên đến nay Công ty chưa triển khai thực hiện được vì vẫn đang chờ hướng dẫn và thông tin về thẩm định giá của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành để thực hiện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn trong văn bản thỏa thuận. Công ty cũng đã báo cáo Lãnh đạo Tập đoàn về việc chưa thực hiện này.

## **3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**

Kế hoạch đầu tư XD CB năm 2023 đã được Tập đoàn thỏa thuận là: 19,95 tỉ đồng. Tuy nhiên trong năm 2023 do có nhiều khó khăn, Công ty chỉ thực hiện các hạng mục cấp thiết phục vụ nhu cầu SXKD của đơn vị với tổng vốn đầu tư là 2,515 tỉ đồng đạt 13% kế hoạch năm.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của Luật đấu thầu, tiến độ thực hiện đạt yêu cầu, chất lượng và khối lượng công việc tuân thủ đúng thiết kế dự toán và tiến lượng ban đầu.

#### **4. Tình hình thực hiện các dự án:**

##### **\* Khu dân cư Trảng Bom – Đồng Nai:**

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc bàn giao toàn bộ dự án cho Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bàn giao dự án được do Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai đã có văn bản không tiếp nhận dự án. Lý do: dự án không phù hợp với quy hoạch mới của tỉnh Đồng Nai và hồ sơ dự án không phù hợp theo quy trình và quy định mới. Công ty đã làm văn bản báo cáo Hội đồng quản trị để xin ý kiến của Lãnh đạo Tập đoàn về việc chấm dứt dự án.

Ngày 27/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Công văn số 70/HĐQT-RBC về phương án giải quyết dự án Trảng Bom gồm các nội dung:

- Chấm dứt thực hiện dự án đầu tư Khu dân cư 16,5 ha tại thị trấn Trảng Bom – huyện Trảng Bom – tỉnh Đồng Nai.
- Thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 78/HĐHTĐT-2010 ngày 28/05/2010 được ký giữa 03 bên: Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su, Công ty CP Địa ốc 7 và Công ty CP Địa ốc 9.
- Thực hiện chia sẻ chi phí dự án theo tỷ lệ góp vốn.

Ngày 12/01/2024 Công ty đã ban hành công văn số 14/RBC-TCKT về việc chấm dứt dự án đầu tư khu dân cư 16,5 ha tại thị trấn Trảng Bom – huyện Trảng Bom – tỉnh Đồng Nai gửi Công ty CP Địa ốc 7 và Công ty CP Địa ốc 9.

Ngày 22/02/2024, Công ty CP Địa ốc 7 đã phản hồi văn bản đồng ý tất cả các yêu cầu của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su.

Đến nay, Công ty CP Địa ốc 9 vẫn chưa phản hồi về Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su.

##### **\* Khu Bình Diên - Quận 8:**

Công ty đã nhận được Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND Quận 8 về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi toàn bộ nhà xưởng tại khu đất số 79 Bến Lức Phường 7 Quận 8 TP.HCM. Theo đó tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 5.000.000.000 đồng (năm tỉ đồng). Công ty đã làm văn bản báo cáo Hội đồng quản trị, báo cáo lãnh đạo Tập đoàn. Ngày 19/02/2019 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã có văn bản số: 452/CSVN-KHĐT gửi UBND TP.HCM, UBND Quận 8 và một số cơ quan chức năng về việc không đồng ý mức bồi thường trên.

Ngày 08/3/2019 UBND Quận 8 đã có văn bản số: 661/UBND-BBT gửi Tập đoàn Công nghiệp Cao su để phúc đáp về các cơ sở pháp lý trong việc tính toán và xác định số tiền bồi thường của khu đất Bình Điền. Tuy nhiên đến nay UBND Quận 8 vẫn chưa triển khai việc bồi thường nên Công ty vẫn chưa bàn giao khu đất.

#### **5. Công tác tổ chức - cán bộ:**

##### ***\* Công tác tổ chức:***

Công ty hiện có 03 phòng nghiệp vụ và 05 đơn vị, trong đó có 02 Công ty TNHH MTV, gồm: Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa và Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa Ốc Hồng Phúc; 03 Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp, Xí nghiệp Kho vận và Xí nghiệp Tam Phước. Xí nghiệp Tam Phước không trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ cho thuê mặt bằng nhà xưởng và máy móc thiết bị, do văn phòng Công ty mẹ quản lý.

Công ty thường xuyên triển khai rà soát, xây dựng, điều chỉnh hệ thống văn bản nội bộ cho phù hợp quy định pháp luật hiện hành, của Tập đoàn và tình hình thực tế của Công ty.

Công ty đã thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026; thực hiện và hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy hoạch giai đoạn 2026-2031 trình Tập đoàn; thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, các chức danh Tập đoàn quản lý; các chức danh do Công ty quản lý; thực hiện chuyên xếp lương, nâng bậc lương cho cán bộ quản lý và người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn.

##### ***\* Công tác cán bộ:***

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh thuộc Tập đoàn quản lý:

+ Bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Lê Tuấn Linh theo văn bản thỏa thuận số 99/HĐQTCSVN-TCNS ngày 09/3/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

+ Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Bùi Ngọc Tiến theo văn bản thỏa thuận số 933/HĐQTCSVN-TCCB ngày 20/11/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Thực hiện thủ tục nghỉ hưu theo quy định đối với ông Trần Công Hải - Phó Tổng Giám đốc Công ty, từ ngày 01/10/2023.

- Bổ nhiệm và tái bổ nhiệm các chức danh do Công ty quản lý.

## 6. Công tác Lao động – Tiền lương:

- Lao động bình quân : 282 người, trong đó:
  - Người quản lý : 07 người
  - Lao động trực tiếp sản xuất : 204 người
  - Lao động gián tiếp : 71 người
- Lao động nữ : 130 người
- Lao động là người dân tộc thiểu số : 45 người
- Thu nhập bình quân : 10.201.000 đồng/người/tháng

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch lao động, kế hoạch tiền lương theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Văn phòng Công ty và các đơn vị thành viên đều xây dựng phương án trả lương; xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương và thực hiện chi trả tiền lương đầy đủ, kịp thời và công khai.

### **\* Chế độ chính sách:**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước (khám sức khỏe định kỳ, trang cấp bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, ...).

- Thực hiện đầy đủ chế độ trang bị bảo hộ cá nhân, bồi dưỡng độc hại, các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ; cử người lao động tham gia các khóa đào tạo, tập huấn.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động.

## 7. Công tác thanh tra, bảo vệ, quân sự:

Thực hiện đầy đủ các báo cáo theo hướng dẫn của Ban chỉ huy Quân sự Quận 3, Quận 7 và của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Các đơn vị thành viên đã chủ động phối hợp cùng chính quyền địa phương duy trì lực lượng dân quân tự vệ tại đơn vị, tham gia tập huấn công tác dân quân tự vệ theo kế hoạch của địa phương.

Đảm bảo công tác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản của đơn vị.

Năm 2023 không có đơn thư khiếu nại tố cáo gửi về Công ty.

## **8. Công tác thi đua, khen thưởng:**

Phối hợp với Công đoàn tổng kết phong trào thi đua khen thưởng cả năm; thi đua nước rút 03 tháng cuối năm 2023. Chấm điểm mức độ hoàn thành công việc và bình xét đề nghị khen tặng các tập thể, cá nhân gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua năm 2023.

## **9. Công tác đoàn thể - phong trào:**

- Công ty đã phối hợp Công đoàn tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2023 vào ngày 06/4/2023.

- Công đoàn Công ty đã tổ chức Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ 2023 – 2028 vào ngày 10/3/2023.

- Công đoàn Công ty tặng quà Tết Nguyên đán năm 2023 cho 286 người lao động với số tiền 120 triệu đồng.

- Công đoàn phối hợp Công ty tổ chức tổng kết phong trào thi đua 2 giới năm 2023 và tặng quà cho lao động nữ nhân dịp 8/3 và 20/10, tổng số tiền 64 triệu đồng.

- Tổ chức các hoạt động phong trào, khen thưởng, tặng quà cho người lao động nhân Tháng công nhân, số tiền 31 triệu đồng.

- Tổ chức khen thưởng và tặng quà cho 240 cháu là con CB-CNV NLD công ty nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu, số tiền 52 triệu đồng.

- Tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, tai nạn, thăm viếng tử thân phụ mẫu của người lao động, tặng quà sinh nhật cho người lao động, số tiền 51 triệu đồng.

- Tham gia Hội thi văn nghệ (qua mạng) ngành cao su do Tập đoàn và Công đoàn cao su phối hợp tổ chức.

- Tổ chức thực hiện an toàn vệ sinh lao động: trang bị bảo hộ cá nhân, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ, các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện các công tác PCCC, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự,... theo đúng các quy định hiện hành

## **10. Công tác khác:**

### **\* Làm việc với đoàn Kiểm toán nhà nước:**

Từ ngày 21/4 – 17/5/2023 Công ty đã làm việc với đoàn Kiểm toán nhà nước theo Quyết định số 268/QĐ – KTNN ngày 17/3/2023.

Công ty đã nhận được văn bản số 449/TB – KTNN ngày 26/7/2023 về việc thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Công ty đã thành lập Tổ xử lý tồn đọng thực hiện các kiến nghị của KTNN theo Quyết định số: 143/QĐ – RBC ngày 06/9/2023.

Ngày 07/9/2023 Công ty nhận được công văn số 2384/CSVN – TCKT của Tập đoàn CSVN về việc thực hiện khắc phục các kiến nghị của KTNN.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2024 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2024:**

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 của các đơn vị và toàn Công ty, trên cơ sở các nguồn lực hiện có, đồng thời dự báo tình hình thị trường cũng như khả năng thực hiện trong năm 2024, Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2024 với các chỉ tiêu chính sau:

- Sản xuất và tiêu thụ gỗ phôi cao su: 3.000 m<sup>3</sup>
- Sản xuất và tiêu thụ gỗ tinh chế : 2.400 m<sup>3</sup>
- Tổng doanh thu : 352.246 triệu đồng
- Tổng chi phí : 348.246 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 4.000 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 3.320 triệu đồng
- Lao động bình quân : 324 người
- Thu nhập bình quân : 10,299 triệu đồng/người/tháng

Trong năm 2024, Công ty dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- Xóa lỗ lũy kế : 680.150.652 đồng
- Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp : 659.962.337 đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 976.848.931 đồng
- Chi cổ tức (1% VDL) : 1.003.038.080 đồng



## **II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024:**

- Đẩy mạnh tìm kiếm thêm khách hàng xuất khẩu tiềm năng và ổn định, đồng thời phát triển thị trường nội địa đối với sản phẩm gỗ.
- Tăng cường các hoạt động kinh doanh, mở rộng thêm mặt hàng kinh doanh khác, ... tạo các điều kiện thuận lợi để đạt hiệu quả tốt nhất.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực cho thuê kho và các dịch vụ hậu cần cao su.
- Đầu tư một số máy móc thiết bị chuyên dùng trong sản xuất đồ gỗ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Triển khai việc củng cố bộ máy quản lý sản xuất, Hệ thống quản lý chất lượng, sắp xếp mặt bằng sản xuất phù hợp.
- Thực hiện các biện pháp chặt chẽ để kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm giảm thiểu các chi phí phát sinh đồng thời nâng cao uy tín của đơn vị.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty và các đơn vị.
- Rà soát, xây dựng, ban hành các Quy chế, quy trình thực hiện công việc phù hợp quy định pháp luật, quy định của Tập đoàn và tình hình thực tế của Công ty.
- Áp dụng các biện pháp thiết thực, có hiệu quả trong việc tiết giảm các chi phí sản xuất, chi phí quản lý,... để nâng cao hiệu quả.
- Duy trì môi trường làm việc tại các xưởng sản xuất theo tiêu chí “xanh – sạch – đẹp”; tạo việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống vật chất – tinh thần của người lao động nhằm ổn định lực lượng lao động gắn bó lâu dài với đơn vị.

## **III. CÔNG TÁC KHÁC:**

### ***\* Về việc di dời Xí nghiệp Tam Hiệp:***

Căn cứ Quyết định số: 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai v/v phê duyệt Đề án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại – dịch vụ và cải thiện môi trường.

Theo công văn số: 519/KCNĐN-DN ngày 05/3/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp (thuộc UBND tỉnh Đồng Nai) v/v thông báo đến các doanh nghiệp chủ động sắp xếp và hoàn thành công tác di dời doanh nghiệp ra khỏi KCN Biên Hòa 1 theo đúng lộ trình Đề án đã được duyệt.

Theo đó, Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp sẽ triển khai thực hiện di dời từ năm 2024 đến tháng 12/2025, do vậy Công ty đã gửi công văn số: 21/RBC-HĐQT

ngày 19/3/2024 báo cáo Lãnh đạo Tập đoàn về việc di dời của Xí nghiệp, đồng thời xin thỏa thuận thống nhất chủ trương về các nội dung sau:

- Di dời Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp ra khỏi KCN Biên Hòa 1 theo đúng lộ trình của Đề án đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

- Sau khi di dời, Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp sẽ tìm mặt bằng phù hợp để chuyển sang hoạt động thương mại. Sau đó khi Công ty có kết quả sản xuất kinh doanh hiệu quả, đủ năng lực tài chính đồng thời thị trường sản xuất và tiêu thụ sản phẩm “đồ chơi cho thú cưng” khôi phục và có triển vọng phát triển, Công ty sẽ xem xét phương án đầu tư xây dựng nhà máy mới trình Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thời điểm di dời nhà xưởng và máy móc thiết bị đã xuống cấp rất khó để di dời, mặt khác Công ty chưa có nhu cầu sử dụng và cũng không có mặt bằng để cất giữ tài sản sau khi di dời. Vì vậy Công ty sẽ lập phương án thanh lý các tài sản này để thu hồi vốn, việc thanh lý sẽ thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Công ty đang trong quá trình lập phương án di dời, sau khi có thông báo của UBND tỉnh Đồng Nai về phương án đền bù cụ thể, Công ty sẽ báo cáo với Hội đồng quản trị.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban điều hành Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Hội đồng quản trị Cty;
- Ban TGD, BKS;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Giám đốc các ĐVTT;
- Lưu: VT, P.KH-KT.



**Giang Hoa Vũ**

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2024**

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024**

---

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty về nhiệm vụ của HĐQT với vai trò quản trị, định hướng và giám sát Công ty, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo về công tác quản lý điều hành năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 tại Đại hội đồng Cổ đông như sau:

### **PHẦN I BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023**

#### **I. Đặc điểm tình hình**

Trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn: lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su tạm dừng sản xuất do không có đơn hàng; lĩnh vực sản xuất gỗ vẫn chưa có nhiều đơn hàng nên sản lượng sản xuất giảm, lao động giảm; một số đối tác thuê mặt bằng xin trả mặt bằng hoặc miễn giảm tiền thuê do họ cũng khó khăn trong sản xuất kinh doanh, hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ cũng bị ảnh hưởng do khó khăn chung của nền kinh tế, ...

Đối với lĩnh vực sản xuất gỗ: do tình hình suy thoái kinh tế, số lượng đơn hàng rất ít, yêu cầu kỹ thuật cao, chi phí sản xuất tăng. Tuy nhiên, đơn vị vẫn cố gắng tổ chức sắp xếp sản xuất phù hợp điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí, kết quả sản xuất năm 2023 như sau: tổng giá trị đơn hàng khoảng 4,9 triệu USD, sản lượng sản xuất là 2.020 m<sup>3</sup>, doanh thu: 118 tỉ đồng, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.

Lĩnh vực kinh doanh: giá cao su không ổn định, tình hình kinh doanh cao su vẫn không khả quan. Ngoài cao su, đơn vị còn triển khai kinh doanh các mặt hàng khác

như gỗ phôi, hóa chất, thực phẩm đông lạnh, hạt nhựa,...góp phần đáng kể trong kết quả của toàn công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 được phản ánh đầy đủ tại số liệu báo cáo của Tổng Giám đốc trình bày tại Đại hội.

## **II. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

### **1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2023 do ĐHĐCĐ giao:**

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngày 05/02/2024, kết quả một số chỉ tiêu chính hợp nhất như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2023: **340,250** tỉ đồng, đạt **79%** kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: **3,705** tỉ đồng, đạt **106%** kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế: **3,138** tỉ đồng, đạt **110%** kế hoạch năm

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong năm 2023, chỉ tiêu doanh thu chưa đạt so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên, công ty đã **hoàn thành vượt kế hoạch năm 2023 về chỉ tiêu lợi nhuận.**

Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) năm 2023: **2,515** tỉ đồng, đạt **13%** kế hoạch năm.

### **2. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023**

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc giao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty chọn đơn vị kiểm toán năm 2023, công ty đã quyết định chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

**3. Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương năm 2023.**

**4. Thực hiện Ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc giao cho Hội đồng quản trị xử lý cổ phần ưu đãi trả chậm của người lao động, công ty đã có văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Vụ quản lý chào bán chứng khoán cũng như nhờ công ty Luật tư vấn nhưng do số cổ phần này đã được cấp quyền sở hữu cho các cổ đông, muốn giải quyết phải liên hệ với các cổ đông. Nhưng đến nay công ty vẫn không liên hệ được do các cổ đông đã đổi địa chỉ. Trong năm 2023, thu hồi được 1.700.000 đồng.**

## **II. Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2023**

## **1. Đánh giá hoạt động quản lý điều hành năm 2023**

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản khi có vấn đề phát sinh, từ đó ban hành 09 Nghị quyết để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia Trưởng Ban kiểm soát, mời mở rộng đến Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ của Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên để nắm bắt chính xác và kịp thời về tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trong các cuộc họp, HĐQT công ty tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, kiểm tra tiến độ thực hiện do Tổng Giám đốc điều hành trình bày; bàn các giải pháp xử lý các tình huống phát sinh do Tổng Giám đốc đề xuất, kiến nghị và đề ra nhiệm vụ chủ yếu cho quý tiếp theo. Hoạt động giám sát tập trung chủ yếu ở các nội dung: tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác tài chính, công tác thu hồi công nợ và công tác cán bộ,....

Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của toàn Công ty.

Các cuộc họp giao ban Tổng Giám đốc, giao ban sản xuất đều có sự tham gia của Hội đồng quản trị để nắm bắt và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền quyết định của Ban điều hành.

Kết hợp với Ban kiểm soát, tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **2. Công tác giám sát**

### **2.1. Giám sát đối với Ban điều hành**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị đã phân giao chi tiết mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho từng đơn vị thành viên; giám sát việc tổ chức thực hiện của Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ và các công ty con, đơn vị thành viên trong hệ thống thông qua người đại diện phần vốn.

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT, Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin ý kiến HĐQT xem xét để cho chủ trương thực hiện. Trong năm 2023, Ban

điều hành công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hầu hết các vấn đề đã thực hiện xong, đạt kết quả tốt.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ đều được thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của Tập đoàn. HĐQT thường xuyên theo dõi, đánh giá và cân nhắc khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trên cơ sở hiệu quả công việc được giao.

## **2.2. Công tác phối hợp**

Việc phối hợp giữa các thành viên HĐQT và Ban điều hành được thực hiện chặt chẽ, đạt hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo và thực hiện Nghị quyết HĐQT.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ và tổ chức triển khai, thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

HĐQT luôn chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, tổ chức Đoàn thể trong công ty trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Đặc biệt là trong công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tất cả các chủ trương của HĐQT đều được sự đồng thuận trong các tổ chức Đảng, Đoàn thể nên việc thực hiện đều thuận lợi.

HĐQT cũng luôn chủ động phối hợp với Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến cho hoạt động của HĐQT.

Đối với Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN, HĐQT luôn tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo cũng như các Ban chức năng của Tập đoàn, HĐQT thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động cụ thể tại đơn vị và chủ động đề xuất với Tập đoàn những giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **III. Đánh giá chung**

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong công ty và sự phát triển của đơn vị, đặc biệt trong năm 2023 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế thế giới, có thể đánh giá rằng HĐQT đã cố gắng để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, công ty đạt vượt chỉ tiêu lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được giao.

## PHẦN II

### PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao, các chỉ tiêu hợp nhất chính như sau:

- Tổng doanh thu: **352.246.000.000 đồng.**
- Lợi nhuận trước thuế: **4.000.000.000 đồng**
- Lợi nhuận sau thuế: **3.320.000.000 đồng**
- Dự kiến tỉ lệ chia cổ tức năm 2024: **1% vốn điều lệ**

2. Tiếp tục tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả, đúng quy định của nhà nước.

3. Thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, giám sát việc điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc; Phát huy hơn nữa tính tích cực của bộ máy điều hành, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của từng cá nhân.

4. Tăng cường các hoạt động kinh doanh, mở rộng mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm khách hàng tiềm năng mới, đồng thời duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng cũ, phát triển thị trường nội địa đối với sản phẩm gỗ.

5. Tiếp tục giải quyết những tồn tại về đất đai, nhà xưởng; kiên quyết giải quyết dứt điểm những khoản nợ khó đòi.

6. Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các đơn vị đầu tư không hiệu quả.

7. Tiếp tục thực hiện thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí; Tận dụng khai thác tối đa cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có để tăng cường nguồn thu cho công ty.

8. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành công ty phấn đấu đưa công ty phát triển xứng đáng với mong muốn với Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trên đây là báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, rất mong quý cổ đông đóng góp để HĐQT thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình. *th*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP VÀ  
XUẤT NHẬP KHẨU  
**CAO SU**

QUẬN 3. T.P HỒ CHÍ MINH

5

*Phan Đình Phúc*

**Phan Đình Phúc**



Số: 40/Tr-HĐQT/BCH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su năm 2024

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 06/4/2023,*

Nay Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua một số vấn đề sau:

**1- Thống nhất báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2023:**

Các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 340.249.749.606 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.705.523.431 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 3.138.888.012 đồng

**2- Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:**

Do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2023 là: - 680.150.652 đồng nên Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2023.

**3- Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty.**

**4- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.**

**5- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng hợp toàn Công ty năm 2024:**

Các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 352.246.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 4.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 3.320.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XDCB: 20.515.000.000 đồng

**6- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:**

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2024: 3.320.000.000 đồng, dự kiến phân phối lợi nhuận như sau:

- Xóa lỗ lũy kế : 680.150.652 đồng
- Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp : 659.962.337 đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 976.848.931 đồng
- Chi cổ tức (1% VDL) : 1.003.038.080 đồng

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

**7- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:

- Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

**8- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế hoạt động của Công ty.**

**9- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch và Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty.**

**10- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục xem xét việc xử lý cổ phần ưu đãi trả chậm của người lao động theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.**

**11- Thống nhất mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty năm 2024:**

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người Quản lý: hạng III Phụ lục 02 của Quyết định số :107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020).

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người Quản lý: hạng III Phụ lục 02 của Quyết định số: 107/QĐ-HDQTCSVN ngày 26/03/2020).

- Tiền lương của Người phụ trách quản trị Công ty: tương đương tiền lương của Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty.

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Đối với chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên hội đồng thành viên, thư ký Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của Công ty thành viên làm việc kiêm nhiệm: mức chi trả tiền lương, thù lao sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

**12-** Ủy quyền cho Tổng giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn Công ty quyết định việc sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các vấn đề trên. *mh*

**Nơi nhận:**

- ĐHDCĐ;

- Lưu: VT, P.KH-KT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phan Đình Phúc**

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2024**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP VÀ  
XUẤT NHẬP KHẨU  
CAO SU

Số: QH/BC-RBC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2024

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**

Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp lý hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/NQ-DHĐCĐRBC ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Công ty CP Công nghiệp và XNK cao su;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

### **A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

#### **1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su nhiệm kỳ 2020 - 2025 được bầu chọn tại Đại hội đồng cổ đông có 3 thành viên, trong đó: Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách và 2 thành viên hoạt động kiêm nhiệm (không chuyên trách): 1 thành viên của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, 1 thành viên của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty cao su Đồng Nai.

Trong năm 2023, miễn nhiệm 01 thành viên Ban kiểm soát nghỉ hưu theo chế độ, bổ nhiệm 01 nhân sự thuộc Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam tham gia Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ ngày 06/4/2023 của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su.

#### **2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:**

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật hiện hành như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và tham gia đóng góp ý kiến kịp thời đối với các vấn đề liên quan.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ điều lệ Công ty, Nghị Quyết ĐHĐCĐ, đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Công ty. Công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Đánh giá chung**

Năm 2023 Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định về quản trị Công ty đối với công ty đại chúng, Điều lệ hoạt động của Công ty.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thực hiện nhiệm vụ được phân công theo đúng chức năng nhiệm vụ và bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã họp bàn rút kinh nghiệm, căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh phương pháp làm việc, bổ sung các nội dung cần lưu ý để thực hiện giám sát cho phù hợp. Tuy nhiên trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, hoạt động sản xuất kinh doanh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Do hạn chế về vị trí địa lý và để tiết kiệm chi phí, ngoài các phiên họp tập trung chính thức, Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, công việc bằng email và điện thoại.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng nghiệp vụ và các đơn vị thành viên để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ Công ty giao.

## **B. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO CỦA CÔNG TY NĂM 2023:**

**1/ Thẩm định báo cáo công tác quản lý, điều hành hoạt động Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:**

**1.1/ Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT):**

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên được Đại hội cổ đông bổ nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm, trong đó: Chủ tịch chuyên trách và 4 thành viên hoạt động kiêm nhiệm (không chuyên trách). Hội đồng quản trị Công ty đã quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của công ty theo Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm, đưa ra các quyết định kịp thời để công ty hoạt động hiệu quả.

Trong năm 2023 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ theo quy định theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban điều hành, Ban kiểm soát, các phòng chuyên môn và các đơn vị thành viên trực thuộc tham gia. Ngoài ra trong năm 2023 Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ SXKD, tổ chức các cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023.

### ***1.2/ Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:***

Ban Tổng Giám đốc Công ty có 04 thành viên trong đó 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế Biến Gỗ Đông Hòa, 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV TM& Địa Ốc Hồng Phúc.

Tháng 10/2023 có 01 Phó Tổng giám đốc nghỉ hưu theo chế độ (*Quyết định số: 39/QĐ/HĐQTRBC ngày 14/9/2023*), HĐQT đã ban hành Quyết định số: 60/QĐ/HĐQTRBC ngày 23/11/2023 bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc mới.

Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng: Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT Công ty.

Kết quả tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 đạt lợi nhuận: 3,705 tỷ đồng đạt 106% kế hoạch năm Đại hội đồng cổ đông giao.

## **2/ Thẩm định báo cáo hoạt động SXKD và tài chính năm 2023:**

### ***2.1/ Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:***

Thực hiện Văn bản số: 459/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 07/7/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thỏa thuận kế hoạch năm 2023 của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su. Ngay từ đầu năm Công ty đã sớm triển khai các hoạt

động sản xuất kinh doanh với mục tiêu hoàn thành kế hoạch đã được Tập đoàn thỏa thuận. Trong năm 2023 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn bị ảnh hưởng của dịch bệnh, nền kinh tế lạm phát... Tuy nhiên với sự nỗ lực hết mình của toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2023.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của công ty năm 2023 như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.000đ	431.264.000	340.249.750	79%
2	Tổng chi phí	1.000đ	427.764.000	336.544.227	79%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	3.500.000	3.705.523	106%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	2.840.000	3.138.888	110 %
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	0,81	1,09	134%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	3,49	3,69	106%

### **2.2/ Về đầu tư xây dựng và phát triển:**

Trước tình hình kinh doanh còn khó khăn, đơn vị đã tiết giảm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư các khoản mục cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2023, Công ty đã quyết toán tăng tài sản **2.546,743 triệu đồng đạt 12,77% so với kế hoạch**, trong đó:

- Xây lắp : 896,641 triệu đồng
- Thiết bị : 1.650,102 triệu đồng

### **2.3/ Thẩm định báo cáo tài chính:**

#### **2.3.1/ Đánh giá chung:**

- Báo cáo quyết toán năm 2023 của Công ty được lập theo đúng quy định ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

- Báo cáo Quyết toán 2023 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS), kết quả kiểm toán được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán số: 46/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 05/2/2024.

#### **2.3.2/ Một số chỉ tiêu cơ bản tại báo cáo tài chính hợp nhất:**



STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	458.185.242.598	335.006.617.502
2	Lợi nhuận trước thuế	5.035.698.145	3.705.523.431
3	Lợi nhuận sau thuế	4.014.303.276	3.138.888.012
4	Tổng tài sản	229.565.338.710	182.372.324.505
	- Tài sản ngắn hạn	178.058.320.305	131.721.362.957
	- Tài sản dài hạn	51.507.018.405	50.650.961.548
5	Tổng nguồn vốn	229.565.338.710	182.372.324.505
	- Nợ phải trả	91.648.887.691	41.316.985.474
	- Vốn chủ sở hữu	137.916.451.019	141.055.339.031
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	0,10%	1,11%
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL cuối kỳ	5,02%	3,69%
8	Hệ số bảo toàn vốn (VCSH/VĐT)	1,37	1,41
9	Khả năng thanh toán nợ đến hạn(TS NH/NNH)	2,28	4,74
10	Hệ số nợ phải trả (Tổng nợ/VCSH)	0,66	0,29

### 2.3.3/ Biến động về tài sản, nguồn vốn :

	01/01/2023	31/12/2023
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>178.058.320.305</b>	<b>131.721.362.957</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	53.479.957.798	19.081.134.203
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.500.000.000	48.791.235.945
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	39.176.533.417	40.187.107.573
IV. Hàng tồn kho	53.052.677.071	20.471.501.184
V. Tài sản ngắn hạn khác	2.849.152.019	3.190.384.052
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>51.507.018.405</b>	<b>50.650.961.548</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	110.421.293	107.858.493
II. Tài sản cố định	41.355.699.812	40.107.008.850
III. Tài sản dở dang dài hạn	1.139.954.084	1.139.954.084
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	8.340.578.368	8.340.578.368
V. Tài sản dài hạn khác	560.364.848	955.561.753
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>229.565.338.710</b>	<b>182.372.324.505</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		

<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>91.648.887.691</b>	<b>41.316.985.474</b>
I. Nợ ngắn hạn	78.125.113.879	27.793.211.662
II, Nợ dài hạn	13.523.773.812	13.523.773.812
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>137.916.451.019</b>	<b>141.055.339.031</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.303.080.000	100.303.080.000
- Thặng dư vốn cổ phần	31.410.714.600	31.410.714.600
- Cổ phiếu quỹ	(2.833.000.000)	(2.833.000.000)
- Quỹ đầu tư phát triển	12.854.695.083	12.854.695.083
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.819.038.664)	(680.150.652)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>229.565.338.710</b>	<b>182.372.324.505</b>

**2.3.4/ Các khoản đầu tư dài hạn (Đầu tư vào Công ty con và đơn vị khác):**

Đến 31/12/2023 đã đầu tư vào Công ty con và các đơn vị khác :

Stt	Tên Công ty	Số tiền đầu tư	Đã trích dự phòng
<b>A</b>	<b>Công ty con</b>	<b>43.000.000.000</b>	
1	Cty TNHH MTV CBG Đồng Hòa	23.000.000.000	
2	Cty TNHH MTV TM&Đ.Ôc Hồng Phúc	20.000.000.000	
<b>B</b>	<b>Các đơn vị khác</b>	<b>11.908.100.000</b>	<b>3.567.521.632</b>
1	Cty CP Đtr Xây dựng và XNK Cao su	1.500.000.000	1.116.653.096
2	Cty CPTM và dịch vụ du lịch Cao su	2.596.100.000	2.450.868.536
3	Cty CP đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh	6.312.000.000	
4	Cty CP phát triển đô thị và KCN Geruco	1.500.000.000	

**2.3.5/ Một số vấn đề còn tồn tại trên báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2023:**

**a/ Các khoản phải thu khách hàng quá hạn, khó đòi đã trích lập dự phòng:**

STT	Khách hàng	Thời điểm 31/12/2023	Đã trích dự phòng
1	Cty CB XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270	8.956.471.270
2	Cty SX-XNK Lâm sản hàng tiêu thụ c.nghiệp	3.870.681.600	3.870.681.600
3	Cty TNHH SX TM DV Hữu Nghị	7.843.792.484	7.843.792.484
4	Cty TNHH Quốc tế Trường Thành	520.800.000	520.800.000
5	Cơ sở Huệ Toán	437.851.910	437.851.910
6	Công ty cổ phần Ngọc Hà	150.000.000	150.000.000

7	Cty Habufa Meubelen B.V	561.060.414	
8	A.T.O.M Food (Thailan) Co.Ltd	1.295.078.273	1.220.738.273
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>23.635.735.951</b>	<b>23.000.335.537</b>

**b/ Các khoản phải thu khác : 7.315.136.523 đồng**

**- Tài sản thiếu chờ xử lý: 6.315.619.963 đồng**

**(tương ứng khoản vay của ngân hàng Vietcombank : 10.293.188.528 đồng)**

*Đây là khoản vay vốn ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng MMTB thông qua chi nhánh Ngân hàng Ngoại Thương KCX Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp. Khoản vay này Chính phủ đã có văn bản số 4055/VPCP-QHQT ngày 23/07/2002 cho khoan lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.*

**- Phải thu cổ phần hóa trả chậm: 107.858.493 đồng**

Năm 2023 thu hồi được 1.700.000 đồng

*Công ty đã có văn bản gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ quản lý chào bán chứng khoán cũng như nhờ công ty Luật tư vấn nhưng do số cổ phần này đã được cấp quyền sở hữu cho các cổ đông muốn giải quyết phải liên hệ làm việc với các cổ đông, tuy nhiên đến nay công ty không liên hệ được các cổ đông (đã đổi địa chỉ).*

- Tòa án Nhân dân Quận 1: 56.294.421 đồng

- Chi nhánh Móng Cái: 40.000.000 đồng (đã trích dự phòng)

- Cty kiểm định XD & tư vấn ĐT Đồng Á: 50.000.000 đồng (đã trích dự phòng)

- Thuế GTGT đầu vào tại CN Hà Nội: 745.363.646 đồng

**c/ Giá trị sản phẩm dở dang:**

Chi phí dự án 4/35 Độc Lập: 2.976.590.931 đồng

*(Chưa thực hiện thanh quyết toán tương ứng với doanh thu nhận trước 3.230.585.284 đồng)*

**d/ Hàng gửi bán: 34.865.443 đồng**

*Là sản phẩm bàn ghế gửi bán của Công ty đã lâu. Đến cuối ngày 31/12/2015 không có biên bản xác nhận của khách hàng. Đến 31/12/2023 đã trích dự phòng.*

**e/ Chi phí XDCB dở dang (Số dư TK 241) 1.139.954.084 đồng**

**- Chi phí dự án Trảng Bom: 1.063.349.360 đồng**

Dự án này được thỏa thuận hợp tác giữa 3 đơn vị:

- + Công ty CP CN & XNK Cao su: góp 40%
- + Công ty CP Địa ốc 7: (TK 338) góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng
- + Công ty CP Địa ốc 9:(TK 338) góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc bàn giao toàn bộ dự án cho Công ty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bàn giao dự án được do Công ty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai đã có văn bản không tiếp nhận dự án. Lý do: dự án không phù hợp với quy hoạch mới của Tỉnh Đồng Nai và hồ sơ dự án không phù hợp theo quy trình và quy định mới.

Công ty đã thống nhất với 2 đơn vị góp vốn: chấm dứt thực hiện dự án, thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 78/HĐHTĐT-2010 ngày 28/05/2010 và đang chờ ý kiến của 2 đơn vị góp vốn v/v cùng chia sẻ chi phí dự án theo tỉ lệ vốn góp hợp tác đầu tư

- Chi phí XDCB dở dang khác: **76.604.724 đồng**
- + Chi phí giải tỏa XN Bình Điền: 45.781.818 đồng
- + Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn: 30.822.906 đồng

### 3/ Ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Năm 2023 Ban điều hành đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, đã đưa hầu hết các công nợ quá hạn không có khả năng thu hồi ra tòa khởi kiện.

Trong năm đã thu hồi nợ :

- + Đã thu hồi nợ của Công ty TNHH Hưng Nhơn : 1.181.370.000 đồng (dứt nợ)
- + Đã thu hồi nợ của Cty CP Đ.Tur Quốc tế Đại Sơn : 300.000.000 đồng (dứt nợ)
- + Khoản nợ công ty A.T.O.M Thái Lan (Công ty Hồng Phúc): Đã có phán quyết của Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế APEC VN yêu cầu Ông Võ Anh Thảo phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV TM&Địa ốc Hồng Phúc số tiền hàng+phí trọng tài,phí hành chính, Hồ sơ đã được gửi đến cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thu hồi số nợ trên.

- Soát xét lại hệ thống văn bản quản lý nội bộ và cập nhật cho phù hợp với quy định hiện hành.

- Tiếp tục giải quyết các vấn đề còn tồn tại (Mục 2.3.5-B).

### C. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Giám sát việc chấp hành Pháp luật Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Quy chế, Nghị

quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và năm.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty và các đơn vị thành viên, trực thuộc.

- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý của Công ty và các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện các báo cáo theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định hiện hành.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ
- HĐQT Tập đoàn;
- BKS Tập đoàn;
- HĐQT Công ty;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**NGUYỄN THỊ NGỌC HIỆP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT  
NHẬP KHẨU CAO SU**

*Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2023*

*Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

*đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU  
/ - I

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 100.303.080.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dếp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giấy thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dăm bào, mùn cưa, bột gỗ, cùi bằm và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giày dếp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dếp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển nâng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghệ); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tổng số các công ty con:	2
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất:	2
+ Số lượng Công ty không hợp nhất:	0



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 4. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

+ Thông tin Công ty con:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
+ Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc	50 - 52 Võ Văn Tần, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa	502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Đĩ An, TP. Đĩ An, Bình Dương	100%	100%

### Danh sách các đơn vị trực thuộc

Tên	Địa chỉ
+ Văn phòng Công ty	64 Trương Định - P.VTS - Quận 3- Tp. Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp	Đường số 3, KCN Biên hòa 1, Đồng Nai
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Kho Vận	Số 2A/2 Trần Hưng Đạo, Dĩ An, Bình Dương
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Tam Phước	Đồng Nai

### 5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con có 282 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 362 nhân viên).

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Phan Đình Phúc	Chủ tịch
Ông: Giang Hoa Vũ	Thành viên
Ông: Lê Tuấn Linh	Thành viên
Ông: Đoàn Kim Tài	Thành viên
Ông: Phan Trọng Quỳnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Giang Hoa Vũ	Tổng Giám đốc	
Ông: Bùi Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/11/2023
Ông: Trần Công Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2023
Ông: Bùi Văn Dũng	P.Tổng Giám đốc	
Ông: Lê Tuấn Linh	P.Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/03/2023

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Trưởng ban	
Bà: Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2023
Bà: Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2023
Ông: Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên	

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Giang Hoa Vũ

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Bảo Châu

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công tác kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024



GIANG HOA VŨ



Số *46*.../BCKT/TC/2024/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được lập ngày 10 tháng 01 năm 2023, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên:*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Vấn đề cần lưu ý*

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng như đã trình bày tại Thuyết minh V.06, đến ngày 31/12/2023 các khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi. Ban Tổng Giám đốc công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thu hồi các khoản công nợ nói trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Đặng Tùng Hưng".

Đặng Tùng Hưng

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		131.721.362.957	178.058.320.305
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	19.081.134.203	53.479.957.798
111	1. Tiền		19.081.134.203	47.479.957.798
112	2. Các khoản tương đương tiền			6.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	48.791.235.945	29.500.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		48.791.235.945	29.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		40.187.107.573	39.176.533.417
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	52.274.793.269	53.605.671.584
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.148.325.610	2.322.773.875
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	1.538.704.268	1.504.173.532
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(23.090.335.537)	(24.571.705.537)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.05	6.315.619.963	6.315.619.963
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	20.471.501.184	53.052.677.071
141	1. Hàng tồn kho		20.506.366.627	53.087.542.514
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(34.865.443)	(34.865.443)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.190.384.052	2.849.152.019
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.614.991.510	2.275.319.477
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		575.392.542	573.832.542
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		50.650.961.548	51.507.018.405
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		107.858.493	110.421.293
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	107.858.493	110.421.293
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		40.107.008.850	41.355.699.812
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	34.813.309.487	35.831.218.385
222	- Nguyên giá		83.543.155.850	82.381.117.366
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(48.729.846.363)	(46.549.898.981)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	5.293.699.363	5.524.481.427
228	- Nguyên giá		10.403.200.016	10.403.200.016
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.109.500.653)	(4.878.718.589)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	V.08	1.139.954.084	1.139.954.084
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.139.954.084	1.139.954.084
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	8.340.578.368	8.340.578.368
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.908.100.000	11.908.100.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.567.521.632)	(3.567.521.632)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		955.561.753	560.364.848
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	955.561.753	560.364.848
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>182.372.324.505</b>	<b>229.565.338.710</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.17	141.055.339.031	137.916.451.019
410	I. Vốn chủ sở hữu		141.055.339.031	137.916.451.019
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.303.080.000	100.303.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.303.080.000	100.303.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		31.410.714.600	31.410.714.600
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.833.000.000)	(2.833.000.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		12.854.695.083	12.854.695.083
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(680.150.652)	(3.819.038.664)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.819.038.664)	(7.833.341.940)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.138.888.012	4.014.303.276
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		182.372.324.505	229.565.338.710

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





PHÙNG TUẤN LÂM

Nguyễn Bảo Châu

GIANG HOA VŨ



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	335.006.617.502	458.185.242.598
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		335.006.617.502	458.185.242.598
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	307.394.731.319	422.790.747.217
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.611.886.183	35.394.495.381
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	4.127.510.975	6.202.394.426
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	1.059.420.282	5.659.773.487
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		782.854.263	1.694.290.308
25	8. Chi phí bán hàng	VI.05	4.322.677.780	6.949.626.842
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	23.091.171.939	24.529.806.187
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.266.127.157	4.457.683.291
31	11. Thu nhập khác	VI.06	1.115.621.129	1.481.319.743
32	12. Chi phí khác	VI.07	676.224.855	903.304.889
40	13. Lợi nhuận khác		439.396.274	578.014.854
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.705.523.431	5.035.698.145
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.08	566.635.419	1.021.394.869
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.138.888.012	4.014.303.276
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		3.138.888.012	4.014.303.276
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát			
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		317	405
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		317	405


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Châu

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc

GIANG HOA VŨ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)


Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		309.171.026.200	483.617.935.522
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(264.349.185.257)	(363.580.247.164)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(32.861.049.449)	(50.224.701.257)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(782.854.263)	(1.694.290.308)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.021.394.868)	(851.553.715)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.565.639.928	20.838.595.112
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.805.856.467)	(51.186.545.885)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(14.083.674.176)</b>	<b>36.919.192.305</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(655.102.020)	(2.834.505.300)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		480.081.818	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(63.000.000.000)	(125.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		49.506.501.602	150.508.039.300
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.573.734.458	3.314.953.609
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(11.094.784.142)</b>	<b>25.088.487.609</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
33	3. Tiền thu từ đi vay		88.088.741.450	145.933.417.541
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(97.391.204.186)	(168.413.141.884)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(9.302.462.736)</b>	<b>(22.479.724.343)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(34.480.921.054)</b>	<b>39.527.955.571</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>53.479.957.798</b>	<b>13.665.160.341</b>
61	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>82.097.459</b>	<b>286.841.886</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>19.081.134.203</b>	<b>53.479.957.798</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

  
PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Bảo Châu

  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc  
GIANG HOA VŨ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 100.303.080.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giày dép (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giày thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu từ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dăm bào, mùn cưa, bột gỗ, củi băm và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giày dép, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển nâng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghiệp); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

#### 6. Cấu trúc các Công ty con

- Tổng số các Công ty con : 2
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 2
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

- Thông tin về tái cấu trúc: trong kỳ, Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý, thoái vốn tại các công ty con

#### - Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc	50 - 52 Võ Văn Tần, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa	502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Đĩ An, TP. Dĩ An, Bình Dương	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

#### Thông tin hoạt động chính của nhóm Công ty con

Tên công ty	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
+ Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc	Kinh doanh thương mại
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa	Chế biến, Sản xuất đồ gỗ

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con trong năm tài chính: Không có

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con có 282 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 362 nhân viên).

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### b. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

#### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 08 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

#### Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

#### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :**

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả tại kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### - Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### - Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

##### - Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

#### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### Công cụ tài chính

##### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

##### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

030009  
CÔNG  
CỔ PH  
CÔNG NGH  
XUẤT NHẬP  
CAO S  
05071729  
CÔNG T  
TÍNH  
CH VỤ TỰ V  
HÌNH KẾ T  
À KIỂM TỐ  
PHIA BÊN  
T.P.H.C

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

##### Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chi tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

#### b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chi tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chi tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

### V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	503.156.959	610.722.696
Tiền gửi không kỳ hạn	18.577.977.244	46.869.235.102
Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.081.134.203</b>	<b>53.479.957.798</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Chứng khoán kinh doanh

#### b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

#### b1) Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

#### b2) Dài hạn

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	48.791.235.945	48.791.235.945	29.500.000.000	29.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	48.791.235.945	48.791.235.945	29.500.000.000	29.500.000.000
b2) Dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>48.791.235.945</b>	<b>48.791.235.945</b>	<b>29.500.000.000</b>	<b>29.500.000.000</b>

#### c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

#### Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

#### Đầu tư vào đơn vị khác (\*)

+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cao su

+ Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Du lịch Cao su

+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh

+ Công ty CP Phát triển Đầu tư và Khu công nghiệp Geruco

Cộng

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác (*)	11.908.100.000		(3.567.521.632)	11.908.100.000		(3.567.521.632)
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cao su	1.500.000.000		(1.116.653.096)	1.500.000.000		(1.116.653.096)
+ Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Du lịch Cao su	2.596.100.000		(2.450.868.536)	2.596.100.000		(2.450.868.536)
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	6.312.000.000			6.312.000.000		
+ Công ty CP Phát triển Đầu tư và Khu công nghiệp Geruco	1.500.000.000			1.500.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>11.908.100.000</b>		<b>(3.567.521.632)</b>	<b>11.908.100.000</b>		<b>(3.567.521.632)</b>

#### Ghi chú: (\*)

Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 202/TT-BTC.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	52.274.793.269	53.605.671.584
+ CN Công ty CB & XNK Thủy sản Đồng Tháp - Nhà máy Việt Đan	8.956.471.270	8.956.471.270
+ Công ty CP SX-XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp	3.870.681.600	3.870.681.600
+ Công ty TNHH SX TM DV Hữu Nghị	7.843.792.484	7.843.792.484
+ Công ty TNHH Huy Thái Bảo	5.221.197.438	5.518.708.781
+ Công ty CP SX & TM Nhựa Việt Thành	4.899.086.865	5.077.110.431
+ Công ty Proliving		12.904.420
+ Habufa Meubelen B.V	561.060.414	561.060.414
+ TOV Furniture		2.357.550.810
+ Công ty Hưng Nhơn		1.181.370.000
+ VIVIN IMPORTS PTY LTD	7.593.272.306	1.268.742.433
+ Công ty TNHH SX-KD-TM-DV Thiên Phát	8.134.226.960	8.134.226.960
+ Công ty TNHH MTV Liên Khanh		6.963.957.600
+ Đối trọng khác	5.195.003.932	1.859.094.381
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>52.274.793.269</b>	<b>53.605.671.584</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không có

### 04 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.538.704.268	40.000.000	1.504.173.532	40.000.000
Tạm ứng	477.753.815		236.960.445	
Phải thu khác	1.060.950.453	40.000.000	1.267.213.087	40.000.000
+ Khác	1.060.950.453	40.000.000	1.267.213.087	40.000.000
b) Dài hạn	107.858.493		110.421.293	
Bên liên quan	107.858.493		110.421.293	
Phải thu về cổ phần hóa	107.858.493		110.421.293	
<b>Cộng</b>	<b>1.646.562.761</b>	<b>40.000.000</b>	<b>1.614.594.825</b>	<b>40.000.000</b>

### 05 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền				
Tài sản khác (*)		6.315.619.963		6.315.619.963
<b>Cộng</b>		<b>6.315.619.963</b>		<b>6.315.619.963</b>

Ghi chú: (\*) Đây là giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ xử lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp có nguồn gốc được hình thành từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho hoãn lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 06 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.090.335.537	23.090.335.537	24.571.705.537	24.571.705.537
+ Công ty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270	8.956.471.270	8.956.471.270	8.956.471.270
+ Công ty CP SX – XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp (UPEXIM)	3.870.681.600	3.870.681.600	3.870.681.600	3.870.681.600
+ Công ty TNHH SXTMDV Hữu Nghị	7.843.792.484	7.843.792.484	7.843.792.484	7.843.792.484
+ Đối tượng khác	2.419.390.183	2.419.390.183	3.900.760.183	3.900.760.183
- Phải thu cho vay				
<b>Cộng</b>	<b>23.090.335.537</b>	<b>23.090.335.537</b>	<b>24.571.705.537</b>	<b>24.571.705.537</b>

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: Không có

### 07 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.874.852.125		4.992.949.454	
- Công cụ, dụng cụ			5.144.000	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.214.901.769		39.242.543.921	
- Thành phẩm	4.339.165.887		5.181.127.603	
- Hàng hóa	1.042.581.403		3.630.912.093	
- Hàng gửi đi bán	34.865.443		34.865.443	
<b>Cộng</b>	<b>20.506.366.627</b>		<b>53.087.542.514</b>	

#### Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

### 08 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	1.139.954.084	1.139.954.084
+ Dự án Trảng Bom	1.063.349.360	1.063.349.360
+ Chi phí giải tỏa XN Bình Điền	45.781.818	45.781.818
+ Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn	30.822.906	30.822.906
<b>Cộng</b>	<b>1.139.954.084</b>	<b>1.139.954.084</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

### 09 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	47.863.060.349	23.334.835.850	7.024.493.906	4.158.727.261	82.381.117.366
2. Số tăng trong năm	896.641.000	225.000.000	1.425.102.020		2.546.743.020
- Mua trong năm		225.000.000	1.425.102.020		1.650.102.020
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	896.641.000				896.641.000
3. Số giảm trong năm			(1.384.704.536)		(1.384.704.536)
- Thanh lý, nhượng bán			(1.384.704.536)		(1.384.704.536)
4. Số dư cuối năm	48.759.701.349	23.559.835.850	7.064.891.390	4.158.727.261	83.543.155.850
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	24.625.689.855	14.668.611.143	5.670.120.959	1.585.477.024	46.549.898.981
2. Khấu hao trong năm	1.943.909.992	1.061.537.425	446.321.899	112.882.602	3.564.651.918
- Khấu hao trong năm	1.943.909.992	1.061.537.425	446.321.899	112.882.602	3.564.651.918
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm					(1.384.704.536)
- Thanh lý, nhượng bán		(1.384.704.536)			(1.384.704.536)
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	26.569.599.847	15.730.148.568	6.116.442.858	1.698.359.626	48.729.846.363
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	23.237.370.494	8.666.224.707	1.354.372.947	2.573.250.237	35.831.218.385
2. Tại ngày cuối năm	22.190.101.502	7.829.687.282	948.448.532	2.460.367.635	34.813.309.487

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19,127,980,748 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

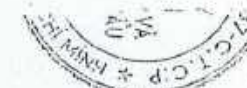
### 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	8.600.000.000				1.803.200.016	10.403.200.016
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	8.600.000.000				1.803.200.016	10.403.200.016
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	3.503.345.517				1.375.373.072	4.878.718.589
2. Khấu hao trong năm	177.608.696				53.173.368	230.782.064
- Khấu hao trong năm	177.608.696				53.173.368	230.782.064
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	3.680.954.213				1.428.546.440	5.109.500.653
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	5.096.654.483				427.826.944	5.524.481.427
2. Tại ngày cuối năm	4.919.045.787				374.653.576	5.293.699.363

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 196,598,187 VND



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
Các khoản khác		
b) Dài hạn	955.561.753	560.364.848
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	98.483.738	79.995.973
Các khoản khác	857.078.015	480.368.875
c) Lợi thế thương mại		
Cộng	<u>955.561.753</u>	<u>560.364.848</u>

### 12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

#### a) Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND			86.174.975.450	95.441.276.627	9.266.301.177	9.266.301.177
- Ngân hàng BIDV - CN Thống nhất			86.174.975.450	95.441.276.627	9.266.301.177	9.266.301.177
Vay ngắn hạn - USD			1.951.057.800	1.951.057.800		
- Ngân hàng Vietbank			1.951.057.800	1.951.057.800		
Cộng			<u>88.126.033.250</u>	<u>97.392.334.427</u>	<u>9.266.301.177</u>	<u>9.266.301.177</u>

#### b) Vay dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 5 năm (*)	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528
Cộng	<u>10.293.188.528</u>	<u>10.293.188.528</u>			<u>10.293.188.528</u>	<u>10.293.188.528</u>

(\*) Khoản vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoan lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: Không có

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>10.752.967.847</b>	<b>10.752.967.847</b>	<b>19.419.865.710</b>	<b>19.419.865.710</b>
+ Công ty cổ phần gỗ cao su Thiên Hưng			3.525.940.000	3.525.940.000
+ Công ty TNHH Triển Đạt Long An	955.486.917	955.486.917	955.486.917	955.486.917
+ Công ty TNHH Kỹ nghệ Sơn Mộc	839.872.118	839.872.118	839.872.118	839.872.118
+ Công ty TNHH Đức Tài Việt	1.023.766.150	1.023.766.150	1.023.766.150	1.023.766.150
+ Công ty TNHH SX và TM Hòa Hào	419.990.104	419.990.104	419.990.104	419.990.104
+ Phải trả cho các đối tượng khác	7.513.852.558	7.513.852.558	12.654.810.421	12.654.810.421
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>10.752.967.847</b>	<b>10.752.967.847</b>	<b>19.419.865.710</b>	<b>19.419.865.710</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Không có

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
a) Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	266.635.420	566.635.419	1.021.394.868	721.394.869		
Thuế thu nhập cá nhân	8.803.039	97.686.803	93.957.421	3.513.657		
Thuế GTGT	161.320.880	4.321.901.902	4.256.435.253	95.854.231		
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		40.727.070	40.727.070			
<b>Cộng</b>	<b>436.759.339</b>	<b>5.026.951.194</b>	<b>5.412.514.612</b>	<b>820.762.757</b>		
b) Phải thu						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	326.403.585			326.403.585		
Thuế thu nhập cá nhân	12.159.032	1.560.000		10.599.032		
Thuế xuất, nhập khẩu	236.829.925			236.829.925		
	<b>575.392.542</b>	<b>1.560.000</b>		<b>573.832.542</b>		

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	7.812.364.745	7.867.422.031
Kinh phí công đoàn	132.750.065	126.182.474
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.007.456.250	3.007.456.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.139.009.720	1.139.009.720
Phải trả về lãi vay ODA	1.471.290.929	1.471.290.929
Phải trả tiền thực hiện dự án Trảng Bom	600.000.000	600.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.461.857.781	1.523.482.658
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>7.812.364.745</b>	<b>7.867.422.031</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

### 16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
b) Dài hạn	3.230.585.284	3.230.585.284
Doanh thu nhận trước - Dự án 4/35 Độc Lập	3.230.585.284	3.230.585.284
<b>Cộng</b>	<b>3.230.585.284</b>	<b>3.230.585.284</b>

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng: Không có

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

### 17. 1. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.833.000.000)	12.854.695.083	(7.833.341.940)		133.902.147.743
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước					4.014.303.276		4.014.303.276
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác							
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>100.303.080.000</b>	<b>31.410.714.600</b>	<b>(2.833.000.000)</b>	<b>12.854.695.083</b>	<b>(3.819.038.664)</b>		<b>137.916.451.019</b>
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay					3.138.888.012		3.138.888.012
Tăng do trích từ lợi nhuận							
Lỗ trong năm nay							
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác							
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.303.080.000</b>	<b>31.410.714.600</b>	<b>(2.833.000.000)</b>	<b>12.854.695.083</b>	<b>(680.150.652)</b>		<b>141.055.339.031</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

17 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	69.333.330.000	69,12%	69.333.330.000	69,12%
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	69.333.330.000	69,12%	69.333.330.000	69,12%
Vốn góp của các đối tượng khác	30.969.750.000	30,88%	30.969.750.000	30,88%
<b>Cộng</b>	<b>100.303.080.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>100.303.080.000</b>	<b>100,00%</b>

### 17 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	100.303.080.000	100.303.080.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	100.303.080.000	100.303.080.000

### 17 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.030.308	10.030.308
- Cổ phiếu phổ thông	9.990.708	9.990.708
- Cổ phiếu ưu đãi	39.600	39.600
Số lượng cổ phiếu được mua lại	126.600	126.600
- Cổ phiếu phổ thông	126.600	126.600
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.903.708	9.903.708
- Cổ phiếu phổ thông	9.864.108	9.864.108
- Cổ phiếu ưu đãi	39.600	39.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

### 17 . 5. Các quỹ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	12.854.695.083	12.854.695.083

### 18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài:

b) Tài sản nhận giữ hộ:

c) Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	8.682,53	28.035,25
- Bảng Anh (EUR)	779,85	779,69

d) Vàng tiền tệ

đ) Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	VND	Nguyên tệ	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
+ Công ty Thành Phương	280.505.995		14/09/2010	Bỏ trốn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	309.694.210.409	429.713.853.605
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.312.407.093	28.471.388.993
<b>Cộng</b>	<b>335.006.617.502</b>	<b>458.185.242.598</b>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Không có

#### 02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	292.808.944.744	406.607.450.243
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.585.786.575	16.183.296.974
<b>Cộng</b>	<b>307.394.731.319</b>	<b>422.790.747.217</b>

#### 03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.392.637.080	4.063.438.279
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.067.217.895	1.738.956.147
Chiết khấu thanh toán		400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	667.656.000	
<b>Cộng</b>	<b>4.127.510.975</b>	<b>6.202.394.426</b>

#### 04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	782.854.263	1.694.290.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá	276.566.019	3.771.223.681
Chi phí tài chính khác: (dự phòng đầu tư vào đơn vị khác)		194.259.498
<b>Cộng</b>	<b>1.059.420.282</b>	<b>5.659.773.487</b>

#### 05. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
05.1. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		390.448.000
Chi phí bảo hành		592.696.874
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.322.677.780	5.966.481.968
<b>Cộng</b>	<b>4.322.677.780</b>	<b>6.949.626.842</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

		Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>			
Chi phí nguyên, vật liệu		166.889.349	263.403.811
Chi phí công cụ, dụng cụ		21.671.591	52.627.564
Chi phí nhân viên		15.678.801.659	17.553.593.328
Chi phí khấu hao		81.952.291	
Chi phí dịch vụ mua ngoài		5.834.374.373	3.178.383.657
Thuế, phí, lệ phí		279.519.471	345.082.763
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		(1.481.370.000)	
Các khoản chi phí QLDN khác		2.509.333.205	3.136.715.064
	<b>Cộng</b>	<b>23.091.171.939</b>	<b>24.529.806.187</b>
<b>06 . THU NHẬP KHÁC</b>			
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC		447.291.745	227.272.727
Bán phế liệu		122.500.000	157.200.000
Các khoản khác		545.829.384	1.096.847.016
	<b>Cộng</b>	<b>1.115.621.129</b>	<b>1.481.319.743</b>
<b>07 . CHI PHÍ KHÁC</b>			
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		8.000.000	
Chi phí bán phế liệu		122.500.000	157.200.000
Các khoản khác		545.724.855	746.104.889
	<b>Cộng</b>	<b>676.224.855</b>	<b>903.304.889</b>
<b>08 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>			
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành		566.635.419	1.021.394.869
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này			
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		<b>566.635.419</b>	<b>1.021.394.869</b>
<b>VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT</b>			
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có			
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có			
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường		88.088.741.450	145.933.417.541
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:		(97.391.204.186)	(168.413.141.884)
5. Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo: Không phát sinh			

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Thù lao HĐQT và BKS</b>		<b>84.000.000</b>	
+ Giang Hoa Vũ	Thành viên Hội đồng Quản trị	12.000.000	
+ Lê Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị	12.000.000	
+ Phan Trọng Quỳnh	Thành viên Hội đồng Quản trị	12.000.000	
+ Đoàn Kim Tài	Thành viên Hội đồng Quản trị	12.000.000	
+ Phạm Thị Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	
+ Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	
<b>Tiền lương</b>		<b>1.228.181.818</b>	<b>1.260.000.000</b>
+ Phan Đình Phúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	288.000.000	288.000.000
+ Giang Hoa Vũ	Tổng Giám đốc	276.000.000	276.000.000
+ Bùi Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc	28.181.818	
+ Trần Công Hải	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	240.000.000
+ Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Trưởng Ban Kiểm soát	228.000.000	228.000.000
+ Nguyễn Bảo Châu	Kế toán trưởng	228.000.000	228.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
---------------	--------------------	---------	-----------

Không phát sinh

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Phải thu	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
----------	--------------------	-------------	------------

+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam			
	- Phải thu về cổ phần hóa	107.858.493	110.421.293

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 04 . Thông tin bộ phận

#### a. Khu vực địa lý

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2023	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	335.006.617.502		335.006.617.502
Các khoản giảm trừ doanh thu			
Chi phí bộ phận	334.808.581.038		334.808.581.038
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	198.036.464		198.036.464
Doanh thu hoạt động tài chính	4.127.510.975		4.127.510.975
Chi phí tài chính	1.059.420.282		1.059.420.282
Thu nhập khác	1.115.621.129		1.115.621.129
Chi phí khác	676.224.855		676.224.855
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	566.635.419		566.635.419
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.138.888.012</b>		<b>3.138.888.012</b>

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2022	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	408.566.785.946		408.566.785.946
Các khoản giảm trừ doanh thu			33.015.202
Chi phí bộ phận	407.676.723.512		407.676.723.512
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	890.062.434		890.062.434
Doanh thu hoạt động tài chính	4.141.638.835		4.141.638.835
Chi phí tài chính	1.569.655.230		1.569.655.230
Thu nhập khác	1.256.987.181		1.256.987.181
Chi phí khác	1.255.328.502		1.255.328.502
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.014.420.443		1.014.420.443
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.449.284.275</b>		<b>2.449.284.275</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.081.134.203		13.665.160.341		19.081.134.203	13.665.160.341
Phải thu khách hàng	52.274.793.269	(23.050.335.537)	57.321.605.641	(24.531.705.537)	29.224.457.732	32.789.900.104
Trả trước cho người bán	3.148.325.610		29.520.334.471		3.148.325.610	29.520.334.471
Các khoản phải thu khác	1.646.562.761	(40.000.000)	1.731.103.688	(40.000.000)	1.606.562.761	1.691.103.688
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.791.235.945		53.137.545.208		48.791.235.945	53.137.545.208
Đầu tư tài chính dài hạn	11.908.100.000	(3.567.521.632)	11.908.100.000	(3.567.521.632)	8.340.578.368	8.340.578.368
<b>Cộng</b>	<b>76.150.815.843</b>	<b>(26.657.857.169)</b>	<b>102.238.204.141</b>	<b>(28.139.227.169)</b>	<b>53.060.480.306</b>	<b>77.666.498.604</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Phải trả cho người bán	10.752.967.847		19.419.865.710		10.752.967.847	19.419.865.710
Người mua trả tiền trước	2.281.302.670				2.281.302.670	
Vay và nợ	10.293.188.528		19.559.489.705		10.293.188.528	19.559.489.705
Phải trả người lao động	6.502.842.784		7.958.464.342		6.502.842.784	7.958.464.342
Cổ phiếu chuyển đổi						
Các khoản phải trả khác	7.812.364.745		7.867.422.031		7.812.364.745	7.867.422.031
<b>Cộng</b>	<b>37.642.666.574</b>		<b>54.805.241.788</b>		<b>37.642.666.574</b>	<b>54.805.241.788</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối kỳ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

### 06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

#### a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

##### - Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### - Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### 06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	10.752.967.847			10.752.967.847
Người mua trả tiền trước	2.281.302.670			2.281.302.670
Vay và nợ			10.293.188.528	10.293.188.528
Chi phí phải trả				
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.812.364.745			7.812.364.745
<b>Cộng</b>	<b>20.846.635.262</b>		<b>10.293.188.528</b>	<b>31.139.823.790</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt-Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

### d. Tài sản đảm bảo

#### - Tài sản thế chấp cho đơn vị khác:

Công ty đã sử dụng các tiền gửi kỳ hạn, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	7.500.000.000	

#### - Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

### 08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố theo Kết luận điều chỉnh tại Biên bản Kiểm toán Nhà nước về các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP tại Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su kèm theo thông báo số 449/TB-KTNN ngày 26/07/2023 của Kiểm toán nhà nước. Chi tiết hồi tố xem Phụ lục 01 đính kèm thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu này đã được phân loại và điều chỉnh phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

Nguyễn Bảo Châu

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP  
XUẤT NHẬP KHẨU  
CAO SU  
TP. HỒ CHÍ MINH

GIANG HOA VŨ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022 KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2022 ĐÃ CÔNG BỐ (TRÌNH BÀY LẠI THEO BIÊN BẢN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2022)

MÃ SỐ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	THUYẾT MINH	SAU ĐIỀU CHỈNH	TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	TM	178.058.320.305	177.349.859.270	708.461.035	
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.01	39.176.533.417	38.446.705.880	729.827.537	
136 6. Phải thu ngắn hạn khác		1.504.173.532	1.335.406.409	168.767.123	(1)
137 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(24.571.705.537)	(25.132.765.951)	561.060.414	(2)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		2.849.152.019	2.870.518.521	(21.366.502)	
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.275.319.477	2.296.685.979	(21.366.502)	(3)
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.507.018.405	51.060.030.832	446.987.573	(4)
220 II. Tài sản cố định		41.355.699.812	40.908.712.239	446.987.573	
221 1. Tài sản cố định hữu hình		35.831.218.385	35.384.230.812	446.987.573	
222 - Nguyên giá	V.05	82.381.117.366	81.934.129.793	446.987.573	
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		229.565.338.710	228.409.890.102	1.155.448.608	
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		91.648.887.691	91.924.187.262	(275.299.571)	(5)
310 I. Nợ ngắn hạn		78.125.113.879	78.400.413.450	(275.299.571)	
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn		19.419.865.710	19.651.681.710	(231.816.000)	
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		820.762.757	644.246.328	176.516.429	
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	220.000.000	(220.000.000)	
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.916.451.019	136.485.702.840	1.430.748.179	(6)
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.819.038.664)	(5.249.786.843)	1.430.748.179	
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		4.014.303.276	2.583.555.097	1.430.748.179	
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		229.565.338.710	228.409.890.102	1.155.448.608	

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022 KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2022 ĐÃ CÔNG BỐ (TRÌNH BÀY LẠI THEO BIÊN BẢN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2022)

MS	KẾT QUẢ KINH DOANH	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
11	4. Giá vốn hàng bán	422.790.747.217	423.104.538.217	(313.791.000)	(7)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.394.495.381	35.080.704.381	313.791.000	(8)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.202.394.426	6.033.627.303	168.767.123	(9)
25	8. Chi phí bán hàng	6.949.626.842	6.928.260.340	21.366.502	(10)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.529.806.187	25.675.879.174	(1.146.072.987)	(11)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.457.683.291	2.850.418.683	1.607.264.608	(12)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.035.698.145	3.428.433.537	1.607.264.608	(13)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.021.394.869	844.878.440	176.516.429	(14)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.014.303.276	2.583.555.097	1.430.748.179	(15)
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	4.014.303.276	2.583.555.097	1.430.748.179	(16)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	405	261	144	(17)

Giải thích nguyên nhân điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Lý do điều chỉnh: Thực hiện điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại nội dung Thông báo số 449/TB-KTNN ngày 26/07/2023 của Kiểm Toán Nhà Nước về việc Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao Su.

#### 1. Các điều chỉnh Báo cáo tài chính của Công ty mẹ:

(1),(4),(5): Điều chỉnh tăng chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" Mã số 136, tăng chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất số tiền: 168.767.123 đồng và tăng chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" trên Bảng Kết quả kinh doanh hợp nhất số tiền: 168.767.123 đồng theo biên bản Kiểm toán nhà nước điều chỉnh tăng doanh thu hoạt động tài chính khoản lãi tiền gửi phải thu có kỳ hạn tại Ngân hàng.

(2),(4),(6): Điều chỉnh tăng chỉ tiêu "Nguyên giá" Mã số 222, tăng chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" số tiền: 365.012.573 đồng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giảm chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" mã số 25 trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo biên bản Kiểm toán nhà nước điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình, giảm chi phí thay thế Công trình "Thay mái tôn xưởng cưa - XN Tam Phước" Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022 KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2022 ĐÃ CÔNG BỐ (TRÌNH BÀY LẠI THEO BIÊN BẢN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2022)

(3),(4),(6): Điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" Mã số 315, tăng chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" Mã số 421b trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và giảm chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" mã số 25" trên Bảng Kết quả kinh doanh hợp nhất Mã số 25 số tiền: 220.000.000 đồng theo biên bản Kiểm toán nhà nước điều chỉnh giảm chi phí trích trước phải trả ngắn hạn Công ty đã trích trước vào chi phí trong năm các khoản: Dịch vụ pháp lý khởi kiện công nợ khó đòi Công ty TNHH SX-TM-DV Hữu Nghị và cá nhân ông Nguyễn Văn Quảng số tiền 120.000.000 đồng, trích trước chi phí kiểm toán năm 2022 số tiền 100.000.000 đồng.

#### 2. Các điều chỉnh Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính hợp nhất:

(1),(6),(9) Điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" Mã số 137, tăng chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" Mã số 421b trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" Mã số 25 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số tiền là: 561.060.414 đồng theo biên bản Kiểm toán nhà nước điều chỉnh giảm chi phí trích lập dự phòng khoản công nợ khó đòi khách hàng Habufa Meubelen chưa có xác nhận đối chiếu công nợ.

(3) - (10): Điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Thuế GTGT được khấu trừ" Mã số 152, điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" Mã số 421b số tiền: 21.366.502 đồng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và tăng chỉ tiêu "Chi phí bán hàng" Mã số 25 trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất số tiền: 21.366.502 đồng theo biên bản Kiểm toán nhà nước điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với chi phí quà tặng cán bộ công nhân viên trong Công ty.

(7) - (8): Điều chỉnh tăng chỉ tiêu "Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình" Mã số 222, tăng chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" Mã số 421b trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" Mã số 11 trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất số tiền: 81.975.000 đồng theo biên bản Kiểm toán nhà nước do điều chỉnh tăng tài sản cố định "hệ thống xử lý bụi phòng sản xuất gỗ A Đông Hòa" giảm chi phí sản xuất chung trong năm.

Điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Phải trả người bán ngắn hạn" Mã số 311, tăng chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" Mã số 421b trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" Mã số 11 trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất số tiền 231.816.000 đồng theo biên bản Kiểm toán nhà nước do điều chỉnh giảm chi phí thi công hạng mục "Mương thoát nước xưởng Dĩ An" nghiệm thu quyết toán chưa được duyệt.

(10),(11),(12),(6) Điều chỉnh tăng chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" Mã số 313, điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" Mã số 421b trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và điều chỉnh tăng chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" Mã số 51 số tiền: 176.516.429 đồng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo biên bản Kiểm toán nhà nước điều chỉnh ảnh hưởng đến chi phí thuế TNDN hiện hành, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bởi các điều chỉnh trên.

(61) Điều chỉnh tăng chỉ tiêu "Chi phí lợi nhuận sau thuế" Mã số 61 số tiền: 1.430.748.179 đồng trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất do Công ty điều chỉnh từ các nghiệp vụ phát sinh trên.

(17): Điều chỉnh tăng chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" Mã số 70 trên bảng kết quả kinh doanh hợp nhất số tiền: 144 đồng. Do Công ty điều chỉnh từ các nghiệp vụ phát sinh trên.

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
& QUY CHẾ BẦU CỬ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2024**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2024

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 06/4/2023,*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su được tiến hành theo những quy định sau:

**Điều 1. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham gia dự Đại hội.**

1. Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại đại hội. Người được ủy quyền tới dự đại hội phải xuất trình Giấy ủy quyền theo quy định. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ 3.

3. Cổ đông khi nhận được thư mời dự đại hội phải phản hồi cho Ban tổ chức để chốt danh sách và sắp xếp dự họp.

4. Khi tiến hành đăng ký dự họp, Cổ đông sẽ được nhận các phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử trên đó có ghi họ và tên của cổ đông, mã số cổ đông và số phiếu được quyền biểu quyết của cổ đông đó.

5. Cổ đông đến dự Đại hội trễ sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội.

6. Cổ đông đến dự Đại hội phải nghiêm túc chấp hành nội quy, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

## **Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội.**

1. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm triệu tập, đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử cho những cổ đông hoặc đại diện cổ đông được uỷ quyền có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Ban tổ chức tiếp nhận giấy tờ do người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội.

3. Ban tổ chức có quyền từ chối cung cấp tài liệu Đại hội khi cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội.

## **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội.**

1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT, Đoàn thư ký Đại hội do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

3. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội thành công tốt đẹp.

5. Đoàn thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

## **Điều 4. Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội.

3. Việc thảo luận sẽ được thực hiện sau khi tất cả các báo cáo và tờ trình được đọc và báo cáo tại Đại hội.

4. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo nguyên tắc, thể lệ biểu quyết theo điều lệ công ty quy định.

## **Điều 5. Nguyên tắc biểu quyết.**

1. Đúng điều lệ, đúng luật và chính xác.



2. Nghị quyết về các nội dung được thông qua tại đại hội đảm bảo tỷ lệ cổ đông dự họp biểu quyết tán thành theo quy định tại điều lệ công ty, pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

4. Những vấn đề biểu quyết trực tiếp tại Đại hội thì Ban tổ chức sẽ xin biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp: Các cổ đông giơ thẻ biểu quyết theo thứ tự tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

#### **Điều 6. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội.**

Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.

2. Phải giơ tay xin ý kiến Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu (trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời thứ tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình).

3. Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của cổ đông nếu thấy cần thiết.

4. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp thứ tự sau đó.

5. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Ngắn gọn và rõ ràng. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức 02 ngày trước kỳ diễn ra Đại hội.

- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.

- Không đề xuất các vấn đề thuộc quyền hạn của HĐQT.

- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

#### **Điều 7. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản, các vấn đề biểu quyết thông qua trước Đại hội phải được đưa vào Nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phan Đình Phúc

